

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829608] - Lắp đặt tủ điện
(CCQ2305D)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 21...

Số bài thi: ...21...

Số tờ giấy thi: 21..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D			8,6	9,0	8,8
2	2123050142	Đỗ Thanh Cao	22/06/2005	CCQ2305D			8,1	6,5	7,1
3	2123050171	Não Văn Diên	02/05/2005	CCQ2305D			6,8	5,5	6,0
4	2123050217	Bùi Quốc Duy	06/01/2004	CCQ2305D			8,1	7,0	7,4
5	2123050167	Đặng Đức Duy	08/11/2005	CCQ2305D			8,1	6,5	7,1
6	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh Duy	30/09/2005	CCQ2305D			7,7	6,0	6,7
7	2123050190	Trần Hữu Nam Khánh	19/11/2005	CCQ2305D			6,0	5,0	5,4
8	2123050179	Thạch Hoàng Linh	12/10/2004	CCQ2305D			8,7	8,5	8,6
9	2123050169	Đặng Hoài Nam	22/08/2005	CCQ2305D			6,1	5,0	5,4
10	2123050141	Vũ Xuân Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D			6,6	5,0	5,6
11	2123050143	Cao Lâm Triều Phát	19/01/2004	CCQ2305D			8,8	8,5	8,6
12	2123050147	Phạm Huỳnh Phúc	18/02/2005	CCQ2305D			8,6	8,5	8,5
13	2122050089	Nguyễn Đức Quân	10/05/2004	CCQ2205C			1,9	0,0	0,8
14	2123050158	Quảng Đại Sang	19/10/2005	CCQ2305D			7,8	8,5	8,2
15	2123050157	Trương Ngọc Thái	04/09/2005	CCQ2305D			5,8	8,5	7,4
16	2123050191	Võ Triệu Thiên	01/05/2005	CCQ2305D			7,3	7,0	7,1
17	2121150021	Nguyễn Kim Tiến	15/09/2003	CCQ2115A			5,3	5,0	5,1
18	2123050187	Phạm Công Tiến	20/04/2005	CCQ2305D			6,7	8,0	7,5
19	2123050164	Nguyễn Lê Thành Trung	19/06/2005	CCQ2305D			6,3	7,5	7,0
20	2123050148	Bùi Đan Trường	13/04/2005	CCQ2305D			5,5	7,0	6,4
21	2123050159	Châu Ngọc Tuy	05/01/2005	CCQ2305D			6,2	6,0	6,1
22	2123050154	Lê Tiến Anh Việt	03/07/2005	CCQ2305D					
23	2123050156	Trịnh Minh Vọng	07/02/2005	CCQ2305D			7,8	6,0	6,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829611] - Lắp đặt tủ điện
(CCQ2305C)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 1.8...

Số bài thi: ...1.8...

Số tờ giấy thi: 1.8...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E		Chm	6,0	4,5	5,1
2	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E		Đông	6,6	6,0	6,2
3	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E		Đức	4,3	3,0	3,5
4	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E		Đức	8,8	9,0	8,9
5	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E		D	5,5	7,5	6,7
6	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E		hau	8,1	6,7	7,3
7	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E		huy	6,5	8,0	7,4
8	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E		K	7,0	5,0	5,8
9	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E		Lu	6,3	7,0	6,7
10	2123050227	Báo Tuấn	Phương	25/10/2005	CCQ2305E		P	4,7	5,5	5,5
11	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E		Thanh	7,9	8,5	8,3
12	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	CCQ2305C		Thành	6,4	4,5	5,3
13	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	CCQ2305C					
14	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E					
15	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	CCQ2305C		To	7,1	6,5	6,7
16	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	05/05/2005	CCQ2305C		To	8,4	9,0	8,8
17	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	CCQ2305C		Tr	6,5	5,0	5,6
18	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C		Tu	7,3	9,0	8,3
19	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C		Tu	6,4	7,5	7,1
20	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C		V	6,4	6,5	6,5